

UỶ BAN NHÂN DÂN
Tỉnh Thái Nguyên

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

----- K/70b

Số: 804 /1999/QĐ-UB

Thái nguyên, ngày 11 tháng 3 năm 1999

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v ban hành cơ chế quản lý ngân sách
trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm 1999

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND.
- Căn cứ Luật Ngân sách được Quốc hội thông qua và ban hành ngày 20/3/1996 và Luật sửa đổi, bổ sung Luật ngân sách Nhà nước đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 3 khoá X.
- Căn cứ Nghị định số 87/CP ngày 19/12/1996 của Chính phủ ban hành về phân cấp quản lý, lập, chấp hành, quyết toán ngân sách Nhà nước và Nghị định số 51/1998/NĐ-CP ngày 18/7/1998 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 87/CP của Chính phủ.
- Căn cứ Thông tư hướng dẫn số 09/TC/NSNN ngày 18/3/1997 và Thông tư số 103/1998/TT-BTC ngày 18/7/1998 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 87/CP và Nghị định 51/1998/NĐ-CP.
- Căn cứ báo cáo của UBND tỉnh đã được HĐND tỉnh thông qua tại kỳ họp thứ 4 khoá IX về việc: Sửa đổi, bổ sung một số điều trong cơ chế quản lý ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để thực hiện từ năm 1999.
- Theo báo cáo và đề nghị của sở Tài chính-Vật giá tại văn bản số 137/TC-NSNN ngày 6/3/1999 về việc đề nghị ban hành cơ chế quản lý ngân sách từ năm 1999 và kết luận tại kỳ họp triển khai nhiệm vụ thu, chi ngân sách địa phương năm 1999 ngày 23/2/1999.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: - Ban hành kèm theo quyết định này quy định về cơ chế quản lý điều hành ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm 1999 để các ngành, các cấp tổ chức thực hiện (có văn bản kèm theo).

Điều 2: - Căn cứ quy định tại điều 1. Các ngành : Sở Tài chính-Vật giá, sở Kế hoạch và đầu tư, Cục Thuế Thái Nguyên, Kho bạc nhà nước Thái Nguyên có trách nhiệm phối hợp và có văn bản hướng dẫn cụ thể các Sở, Ban, Ngành, đoàn thể và UBND các huyện (thị xã, thành phố) triển khai thực hiện kịp thời. Đồng thời, phối hợp thường xuyên việc kiểm tra, đôn đốc trong quá trình thực hiện ở các Ban, Ngành, địa phương, cơ sở.

Điều 3: - Các đồng chí Chánh Văn phòng UBND tỉnh, giám đốc sở Tài chính-Vật giá, sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Cục trưởng cục Thuế Thái Nguyên, cục trưởng cục Đầu tư và phát triển, cục trưởng cục Quản lý vốn và tài sản nhà nước tại doanh nghiệp, Giám đốc các Sở, ban, ngành của tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể và Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/1/1999 và thay thế quyết định số 354/QĐ-UB ngày 12/2/1998./.

Nơi nhận

- Bộ Tài chính
- TT. Tỉnh uỷ
(thay báo cáo)
- TT. HĐND tỉnh
- Ban KT Tỉnh uỷ
(để biết và KTTH)
- Như điều 3 (để thực hiện)
- Lưu: VP-KTTH-TH-SXKD-XDCB-VX.
(K11.K)

Kiểm

**TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH**



Mai Phúc Toàn

14

5

**QUY ĐỊNH VỀ CƠ CHẾ QUẢN LÝ NGÂN SÁCH
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN TỪ NĂM 1999**
(kèm theo quyết định số **804** /QĐ-UB ngày **11** /3/1999 của UBND tỉnh)

I- QUY ĐỊNH CHUNG:

- Ngân sách Nhà nước là toàn bộ các khoản thu, chi của Nhà nước trong dự toán đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định và được thực hiện trong một năm để đảm bảo thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước.

- Mọi khoản thu, chi NSNN phát sinh trên địa bàn tỉnh đều được hạch toán đầy đủ và NSNN và phải được thực hiện theo đúng điều khoản của Luật ngân sách Nhà nước, Nghị định 51/1998/CP của Chính phủ và Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính. Tất cả các khoản chi NSNN phải được kiểm tra kiểm soát trước trong và sau quá trình cấp phát thanh toán. Các khoản chi phải có trong dự toán được duyệt, đúng chế độ tiêu chuẩn, định mức do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quy định, được thủ trưởng đơn vị, hoặc người được uỷ quyền chuẩn chi.

- Tất cả các cơ quan đơn vị, các chủ dự án... sử dụng NSNN phải mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan tài chính, Kho bạc Nhà nước, Cục đầu tư phát triển trong quá trình lập dự toán phân bổ hạn mức, cấp phát thanh toán, hạch toán kế toán và quyết toán ngân sách Nhà nước.

- Quán triệt nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý và điều hành ngân sách đảm bảo quyền quyết định của HĐND và sự điều hành thống nhất của UBND tỉnh đồng thời đề cao vai trò trách nhiệm quyền chủ động và khuyến khích thoả đáng đối với các huyện, thành phố, thị xã (gọi chung là huyện) các xã, phường, thị trấn (gọi chung là xã) cũng như các đơn vị cơ sở trong việc tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước.

- Tiếp tục thực hiện cơ chế "khoán thu, khoán chi" đối với các cấp ngân sách, thực hiện ổn định ngân sách theo luật định từ 3-5 năm về nguồn thu, nhiệm vụ chi, tỷ lệ điều tiết và số bổ sung từ ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới ; khoán chi đối với các đơn vị dự toán. Thực chất là xác định phạm vi, quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền các cấp trong quản lý điều hành ngân sách. Vì vậy, cấp uỷ chính quyền các cấp phải coi trọng công tác thu chi ngân sách và có những biện pháp tích cực đôn đốc thu, khai thác mọi nguồn thu để đáp ứng nhu cầu chi phục vụ nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội đã đề ra.

II- NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ:

1) Về phân bổ và giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách cho các đơn vị:

- Sau khi nhận được nhiệm vụ thu, chi ngân sách UBND tỉnh giao các Sở, Ban, ngành và UBND các huyện giao nhiệm vụ thu chi cho các đơn vị trực thuộc, các xã phường, thị trấn mức giao tối thiểu bằng số dự toán thu chi ngân sách đã được UBND tỉnh giao cho ngành và huyện.

- Việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách mỗi cấp chính quyền được thực hiện theo luật NSNN và các điều khoản quy định tại nghị định 51/1998/CP, Thông tư số 103/1998/TC-NSNN của Bộ Tài chính. Trong mọi trường hợp các huyện không được thay đổi nguồn thu, nhiệm vụ chi của mỗi cấp bao gồm cả các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm giữa các cấp ngân sách. Riêng đối với cấp xã năm 1999 tiếp tục thực hiện phân cấp ngân sách theo luật NSNN và từng bước đưa NS xã vào NSNN. Trong dự toán NS năm 1999 phải phản ánh hết các nguồn thu và nhiệm vụ chi tại xã. Khi giao nhiệm vụ thu chi cho các xã cần phải làm rõ nguồn thu của NS xã bao gồm: phần thuế để lại cho xã 100%, thu điều tiết theo tỷ lệ phần trăm, số thu bổ sung từ NS cấp huyện cho từng xã, phần thu các khoản đóng góp của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật. Nhiệm vụ chi của NS xã, phường, thị trấn theo quy định của Luật NSNN.

- UBND tỉnh thống nhất quản lý các khoản thu phí, lệ phí phát sinh trên địa bàn, căn cứ vào Thông tư số 276, Thông tư 46 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thu phí, lệ phí và tình hình thực tế của địa phương, do UBND tỉnh trình HĐND phê chuẩn mức thu phí, lệ phí thực hiện thống nhất trên địa bàn toàn tỉnh. UBND các huyện, thành phố, thị xã và UBND các xã, phường, thị trấn không được quy định các khoản thu trái với quy định của Bộ, ngành Trung ương và UBND tỉnh đã ban hành. Các khoản đóng góp của nhân dân thực hiện theo nguyên tắc: Đúng hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, tự nguyện, phù hợp với sức dân và có tính khả thi cao, công khai hoá các khoản thu, chi sử dụng chứng từ do Bộ Tài chính ban hành.

- Chi mua sắm sửa chữa tài sản có giá trị lớn của các đơn vị HCSN theo quy chế của Bộ Tài chính, dành 4% trong tổng định mức chi để tạo nguồn mua sắm, sửa chữa tài sản điều hoà chung, đảm bảo công bằng hợp lý giữa các đơn vị (thực hiện giảm 60-70% chi phí mua sắm theo quy định của chính phủ và Bộ Tài chính) quỹ mua sắm của các đơn vị thuộc ngân sách huyện do UBND huyện quản lý, các đơn vị thuộc ngân sách tỉnh do UBND tỉnh quản lý. Quỹ mua sắm được lập cho các đơn vị thuộc lĩnh vực quản lý hành chính riêng, các đơn vị sự nghiệp riêng; đối với các đơn vị sự nghiệp căn cứ vào dự toán ngân sách năm được giao, sắp xếp các khoản chi thường xuyên thiết yếu, kinh phí nghiệp vụ ... phân còn lại lập quỹ mua sắm tài sản thuộc ngành, đơn vị trực tiếp quản lý. Ngoài ra trong kế hoạch được giao, sau khi đảm bảo thực

hiện được nhiệm vụ chính trị của đơn vị, khuyến khích các đơn vị tiết kiệm các khoản chi khác để có kinh phí đầu tư mua sắm thiết bị phục vụ công tác (trừ mua ô tô, xe máy, điện thoại di động, điều hoà không khí do UBND tỉnh quyết định không phân cấp cho cấp huyện).

- Tài sản là nhà, đất đai và các công trình XD khác gắn liền với đất đai, vật kiến trúc phương tiện đi lại và một số tài sản đất tiền khác thực hiện đăng ký tài sản với cơ quan tài chính ngay sau khi hoàn thành việc mua sắm hoặc ngay sau khi hoàn tất thủ tục tiếp nhận tài sản nhà nước, theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, hoặc công trình QT bàn giao đưa vào sử dụng, theo Nghị định số 14/1998/NĐ-CP và các Quy chế của Bộ Tài chính.

- Trong quá trình chấp hành NS các địa phương tăng thu, tiết kiệm chi so với dự toán được giao thì toàn bộ số tăng thu (không tính số ghi thu, ghi chi) tiết kiệm chi được để lại cho đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội trên địa bàn.

Thực hiện thưởng vượt thu: Hàng năm ngân sách các cấp có số thu vượt KH được giao, phân điều tiết lên ngân sách cấp trên (không kể số thu điều tiết về ngân sách trung ương và khi tính có bù trừ thu điều tiết về cấp trên không hoàn thành kế hoạch) sẽ được UBND tỉnh, huyện quyết định và báo cáo HĐND tỉnh, huyện thưởng cho ngân sách huyện, xã, để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng. Số vượt thu được xác định và cấp phát vào quý I năm sau.

2- Phân cấp quản lý ngân sách.

Phân cấp nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thực hiện theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật NSNN, Nghị định 51/1998/NĐ-CP của Chính phủ, Thông tư số 103/1998/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

Thu ngân sách:

Từ năm 1999 các khoản thu phân chia tỷ lệ % giữa ngân sách tỉnh - huyện - xã, thực hiện theo Luật NSNN đã sửa đổi, bao gồm:

- Thuế giá trị gia tăng khu vực kinh tế CTN ngoài quốc doanh (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu)

- Thuế thu nhập doanh nghiệp khu vực kinh tế công thương nghiệp ngoài quốc doanh

- Thuế chuyển quyền sử dụng đất

- Thuế nhà, đất

- Thuế sử dụng đất nông nghiệp

- Thuế tài nguyên khu vực kinh tế ngoài quốc doanh

- Lệ phí trước bạ nhà, đất.
- Thuế tiêu thụ đặc biệt hàng sản xuất trong nước thu vào các mặt hàng bài lá, vàng mã, hàng mã và các dịch vụ kinh doanh vũ trường, mát xa, ka-ra-ô-ke ...

Nguồn thu NS xã, phường, thị trấn hưởng 100% thực hiện theo luật quy định. UBND tỉnh quyết định tỷ lệ % điều tiết giữa ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện và uỷ quyền cho UBND cấp huyện quy định tỷ lệ % điều tiết các khoản thu cho ngân sách cấp xã. Mở rộng tỷ lệ điều tiết cho ngân sách cấp dưới đảm bảo chi ngân sách bằng nguồn thu tại địa bàn, hạn chế số bổ sung ngân sách cấp trên cho ngân sách cấp dưới.

Thu thủy lợi phí: Giao cho UBND các huyện, thành phố, thị xã tổ chức đôn đốc thu và dành một tỷ lệ để lại sửa chữa quản lý khai thác các công trình thủy lợi theo phân cấp của UBND tỉnh, một phần chi cho bộ máy quản lý khai thác các công trình thủy nông. Tỷ lệ phân chia do UBND tỉnh quyết định.

Thu lao động nghĩa vụ: là nguồn thu ngân sách theo pháp lệnh của Nhà nước phải được ghi thu ngân sách (nếu huy động bằng tiền) để chi đầu tư cơ sở hạ tầng phúc lợi công cộng. Nếu huy động bằng ngày công lao động phải thực hiện ghi thu, ghi chi qua NSNN ; UBND tỉnh giao chỉ tiêu cho các đơn vị thu và nộp NS, cơ quan tài chính thẩm định chi theo chính sách chế độ tài chính hiện hành.

Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết: được để lại đầu tư xây dựng cho sự nghiệp GD-ĐT, sự nghiệp Y tế, văn hoá - xã hội của địa phương theo quy định của Bộ Tài chính. Số thu do Công ty Xổ số kiến thiết thu, UBND tỉnh quyết định đầu tư, số thu do cấp huyện thu để lại 100% để đầu tư trên địa bàn do UBND huyện quyết định.

Nguồn thu học phí, xây dựng: Thực hiện QĐ số 70/1998/QĐ-TTg ngày 31/3/1998 của Chính phủ về việc thu và sử dụng học phí ở các cơ sở giáo dục và đào tạo; quyết định số 2235/1998/QĐ-UB và quyết định số 2234/1998/QĐ-UB ngày 26/8/1998 của UBND tỉnh về mức thu tiền học phí, xây dựng ở các trường giáo dục - đào tạo và quản lý, sử dụng tiền đóng góp xây dựng trường lớp, thu học phí theo hướng dẫn của liên sở Tài chính - vật giá và Giáo dục - đào tạo tại công văn số 1053, 1054/LS-TC-GD ngày 13/10/1998.

Nguồn thu tiền viện phí: cho phép ngành Y tế được mở tài khoản tiền gửi tại kho bạc Nhà nước để quản lý thu chi tiền viện phí theo tinh thần thông tư 14/TTLB-YT-TC-LĐTBXH-BVGCP.

Nguồn thu tại các đơn vị HCSN: Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ có phát sinh số thu ngân sách phải quản lý theo luật ngân sách Nhà nước, nộp ngân sách kịp thời đầy đủ số thu phát sinh của đơn vị và được chi ra theo KH

được duyệt. Hàng năm các đơn vị đều phải lập kế hoạch thu, chi gửi tới các cơ quan Tài chính, Kế hoạch để báo cáo UBND xét duyệt.

Các khoản thu đóng góp: đều phải dùng biên lai thu các khoản đóng góp do Bộ Tài chính phát hành và phản ánh trong NSNN. Thực hiện công khai hoá các khoản thu chi đóng góp của các tổ chức cá nhân theo quy định.

Không thực hiện việc ghi thu, ghi chi cho các đơn vị có nguồn thu tự ý để lại chi tại đơn vị mà không được cơ quan có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

Chi ngân sách:

Khi dự toán chi ngân sách đã được cấp có thẩm quyền giao, các cấp, các ngành các đơn vị chủ động bố trí nội dung công việc phù hợp với số ngân sách được giao cả năm. Trong 9 tháng đầu năm UBND các cấp không xem xét bổ xung dự toán chi cho ngân sách cấp dưới và các đơn vị dự toán cùng cấp, các khoản phát sinh các đơn vị phải chủ động bố trí trong kế hoạch được giao (trừ trường hợp thiên tai, hoả hoạn, cứu tế UBND các cấp xem xét giải quyết cụ thể).

Thực hiện tiết kiệm 10% chi khác ngoài lương và có tính chất lương của các đơn vị thụ hưởng ngân sách được giảm trừ ngay từ khi giao dự toán năm, sau khi HĐND phê chuẩn. Việc quản lý sử dụng tiết kiệm chi NS thực hiện theo đúng quy định của Chính phủ và Bộ Tài chính.

Hình thức cấp phát, quản lý một số khoản chi ngân sách ở địa phương được thực hiện như sau:

a) Chi thường xuyên:

- Chi thường xuyên về hoạt động Y tế, Giáo dục, trung tâm chính trị huyện do ngân sách tỉnh đảm bảo và được cấp phát theo trình tự.

+ Kinh phí các đơn vị trực thuộc sở Giáo dục, sở Y tế, sở Tài chính cấp cho sở Giáo dục và sở Y tế. Sở chủ quản phân phối lại cho các đơn vị bằng hình thức cấp phát hạn mức.

+ Kinh phí của các đơn vị Y tế, Giáo dục, trung tâm chính trị ở các huyện sở Tài chính - Vật giá sẽ thông báo hạn mức kinh phí uỷ quyền cho phòng tài chính các huyện. Phòng Tài chính huyện cấp phát cho các đơn vị sử dụng NS và chịu trách nhiệm kiểm tra quyết toán kinh phí theo hướng dẫn cho Bộ Tài chính về quản lý kinh phí uỷ quyền. Các khoản kinh phí cấp uỷ quyền qua phòng Tài chính giá cả, phòng Tài chính giá cả có trách nhiệm thẩm kế,

cấp phát, quyết toán theo đúng chính sách, chế độ tài chính, ngân sách hiện hành.

- Chi đào tạo lại: phải căn cứ vào kế hoạch đào tạo lại cán bộ, công chức, viên chức do Ban tổ chức Tỉnh uỷ, Ban Tổ chức chính quyền và UBND tỉnh giao.

- Kinh phí hoạt động của cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam được thực hiện ở các cấp ngân sách theo luật NSNN. Ngân sách tỉnh chi cho các cơ quan của Đảng thuộc tỉnh quản lý, ngân sách huyện chi cho huyện uỷ, ngân sách xã chi cho Đảng uỷ xã.

- Đối với các khoản chi sự nghiệp kinh tế có tính chất XDChB.

+ Khối huyện: Theo phân cấp quản lý đầu tư tại quyết định số 767/QĐ-UB ngày 10/4/1997 và quyết định 1037 của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện được quyết định đầu tư cho các dự án có mức đầu tư từ 500 triệu đồng trở xuống thuộc ngân sách địa phương đã được UBND tỉnh giao. Về hồ sơ thủ tục phải tuân thủ theo quy định của Nhà nước, các thiết kế dự toán phải được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Phòng Tài chính giá cả các huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, thẩm định và chấp nhận thanh toán khi có khối lượng hoàn thành, nghiệm thu theo quy định.

+ Khối tỉnh: Chi sự nghiệp kinh tế có tính chất XDChB quy mô nhỏ, sửa chữa các cơ quan HCSN, công trình giao thông, thuỷ lợi (từ 5 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng) của các sở, ban, ngành tỉnh quản lý, sở Tài chính vật giá thẩm định chấp nhận thanh toán và quyết toán công trình hoàn thành.

- Chi mua sắm máy móc, thiết bị, phương tiện ô tô ... từ 100 triệu đồng trở lên phải thực hiện theo quy chế đấu thầu của Nhà nước. Trong trường hợp đặc biệt nếu thực hiện đấu thầu có khó khăn thì UBND tỉnh sẽ xem xét quyết định phương thức mua.

b) Đối với chi đầu tư XDChB:

Thực hiện việc quản lý cấp phát theo nghị định 42/CP, Nghị định 43/CP, Nghị định 92/CP, 93/CP và quyết định 767/QĐ-UB, 1037/QĐ-UB của UBND tỉnh. Cục đầu tư phát triển lập kế hoạch chi quý có chia ra tháng để gửi sở Tài chính-vật giá ghi kế hoạch quý. Căn cứ vào kế hoạch đã thống nhất sở Tài chính vật giá chuyển nguồn để Cục đầu tư thanh toán cho các công trình. Đối với các công trình đấu thầu, tập trung vốn để thanh toán đầy đủ kịp thời cho công trình theo quy định, từng bước mở rộng diện đấu thầu trong XDChB.

Việc kế hoạch hoá vốn đầu tư xây dựng cơ bản phải căn cứ vào nguồn vốn được xác định theo Nghị quyết HĐND và vốn bổ sung của Chính phủ.

Không được giao chỉ tiêu XDCB, danh mục các công trình mà không xác định nguồn vốn để đảm bảo tính khả thi của công tác kế hoạch.

c) Đối với các khoản chi từ nguồn thu để lại:

- Chi tiền cấp quyền sử dụng đất: Tiền thu cấp quyền sử dụng đất được tập trung về ngân sách tỉnh, từ năm 1999 dành 30% trên tổng số thu để chi cho công tác sự nghiệp quản lý đất như : quy hoạch, đo đạc, bản đồ, địa chính... 70% còn lại bố trí cho đền bù thiệt hại khi thu hồi đất, đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, riêng thành phố Thái Nguyên và thị xã Sông Công dành 20% (trong tổng số 100%) để đầu tư cho đô thị như: nạo vét cống rãnh thoát nước, xử lý rác thải, xây dựng cống rãnh thoát nước ... 50% còn lại mới bố trí đền bù và xây dựng các công trình. Việc cấp phát thanh toán thực hiện như sau: 30% chi cho sự nghiệp quản lý đất đai do sở Tài chính vật giá cấp phát và quyết toán; 20% đầu tư cho đô thị do sở Tài chính cấp có mục tiêu cho ngân sách thành phố, thị xã quản lý và quyết toán ngân sách. Số còn lại 50-70% tiền đất được đầu tư cho các công trình cơ sở hạ tầng. Căn cứ vào số thu cấp quyền sử dụng đất của mỗi địa phương, UBND huyện lập dự toán chi cho các công trình (gồm cả chi cho công tác đền bù, san gạt giải phóng mặt bằng, quy hoạch ...) gửi UBND tỉnh (qua sở Kế hoạch đầu tư) UBND tỉnh căn cứ vào nguồn thu và thực tế cơ sở vật chất của địa phương giao kế hoạch chi đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất cho cấp huyện. Các công trình được đầu tư từ nguồn thu cấp quyền sử dụng đất phải căn cứ vào dự toán ngân sách năm được UBND tỉnh giao cho các huyện. Thủ tục hồ sơ dự án theo quy định của Nhà nước và được cấp có thẩm quyền phê duyệt và chỉ được phép khởi công khi đã thu được tiền vào Kho bạc Nhà nước. Tuyệt đối không khởi công công trình khi chưa có nguồn thu tiền đất, để tránh nợ nần dây dưa trong quản lý điều hành ngân sách. Việc quản lý cấp phát, thanh quyết toán được thực hiện theo quy định cấp phát vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thông qua Cục đầu tư phát triển.

- Tiền thuê đất chi vào đầu tư xây dựng được quản lý theo trình tự XDCB do UBND tỉnh quyết định về danh mục công trình, khối lượng công việc.

- Đối với các khoản chi từ nguồn thu cây lúa nước hàng năm được dùng vào mục đích để đầu tư cho cơ sở hạ tầng nông nghiệp, nông thôn như sự nghiệp thủy lợi, sự nghiệp nông lâm nghiệp, giao thông nông thôn, điện, trường trạm ... các huyện lập phương án sử dụng thông qua sở Kế hoạch đầu tư và sở Tài chính vật giá để tổng hợp trình UBND tỉnh quyết định. Việc cấp phát thanh quyết toán theo trình tự thủ tục XDCB và cấp phát quản lý theo quyết định 767/QĐ-UB , 1037/QĐ-UB và công văn số 890/CV-UB ngày 14/10/1998 của UBND tỉnh hướng dẫn thực hiện quyết định 767 và quyết định 1037.

d) Chi cho các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Đối với các khoản chi đã giao cho các đơn vị trực tiếp thực hiện (chương trình 661, 773, Định canh định cư, Kiểm lâm nhân dân, nông nghiệp, thủy sản, vốn sự nghiệp địa chất, vốn sửa chữa cơ sở hạ tầng đường sắt ...) do Kho bạc Nhà nước quản lý, cấp phát thanh toán theo chế độ quy định đối với từng loại hình sự nghiệp và quy định tại thông tư 103/1998/TCNSNN của Bộ Tài chính.

- Đối với các khoản chi kinh phí uỷ quyền cho sở Tài chính vật giá quản lý, căn cứ vào dự toán được duyệt, tiến độ thực hiện công việc và nguồn vốn Trung ương chuyển về để cấp phát cho các đơn vị, đối với các loại vốn có tính chất XDCB phải được quản lý như nguồn vốn XDCB về thủ tục, Cục đầu tư thẩm định chấp nhận thanh toán, sở Tài chính cấp phát, quyết toán.

đ) Do cơ chế quản lý tài chính các doanh nghiệp công ích: Hàng năm căn cứ vào nhiệm vụ công ích tỉnh giao, các doanh nghiệp công ích xây dựng kế hoạch thu chi tài chính phù hợp với nhiệm vụ được giao. Cơ quan Tài chính căn cứ vào kế hoạch của đơn vị phối hợp với các cơ quan hữu quan thẩm định, trình UBND quyết định giao mức trợ cấp cho từng doanh nghiệp công ích (nếu có). Việc cấp phát kinh phí thanh toán cho khối lượng nhiệm vụ công ích hoàn thành căn cứ vào số lượng, chất lượng được nghiệm thu. Riêng đối với doanh nghiệp quản lý khai thác các công trình thủy nông do số thu thủy lợi phí 70% để lại cho cấp huyện nên hàng quý cơ quan Tài chính cấp phát hỗ trợ cho doanh nghiệp theo tiến độ thực hiện công việc công ích, sau khi duyệt quyết toán, nếu doanh nghiệp không đảm bảo số lượng, chất lượng công việc công ích được giao, sở Tài chính trình UBND tỉnh thu hồi số tiền hỗ trợ đã ứng trước cho DN công ích.

e) Đối với vốn dự trữ lưu thông: Các doanh nghiệp được vay vốn dự trữ lưu thông phải bảo toàn vốn và thực hiện các quy định về bảo toàn vốn của Nhà nước. Số bảo toàn theo lãi suất ngân hàng cùng thời điểm được để lại bổ sung vốn lưu động cho doanh nghiệp được giao dự trữ hàng lưu thông 50% và nộp bảo toàn 50% cho ngân sách Nhà nước, sở Thương mại và Du lịch và các sở Y tế, Nông nghiệp và phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị dự trữ đủ lượng hàng cần thiết để ổn định thị trường khi có thiên tai bão lụt xảy ra. Định kỳ 6 tháng và 1 năm các đơn vị dự trữ hàng miền núi phải tiến hành kiểm kê lượng hàng hoá dự trữ bằng hiện vật báo cáo sở Tài chính vật giá tình hình quản lý và sử dụng vốn dự trữ lưu thông để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

f) Chi vốn viện trợ: Thực hiện theo thông tư 30/TC-VT ngày 12/6/1997 của Bộ Tài chính hướng dẫn về chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại, các đơn vị có nguồn vốn viện trợ đều phải thực

hiện xác nhận viện trợ và ghi thu vào ngân sách nhà nước theo quy định. Ngân sách tỉnh chỉ chuẩn bị dự án, chi phí quy hoạch, vận động đầu tư ... UBND tỉnh quyết định danh mục dự án, cơ chế quản lý nguồn kinh phí trên.

i) Chi các mặt hàng chính sách miền núi: Thực hiện theo tinh thần quyết định 774/QĐ-UB ngày 10/4/1997 của UBND tỉnh.

III- TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

- Các cấp, các ngành cần tăng cường vai trò trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị trong việc chuẩn chi kinh phí ngân sách, đảm bảo chế độ, tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện chi đúng mục tiêu, chương trình theo dự toán được duyệt (nếu duyệt sai phải thoái trả ngân sách theo đúng Luật ngân sách Nhà nước).

- Các cấp chính quyền không được dùng ngân sách cho các công việc không thuộc nhiệm vụ được giao, cấp phát theo đúng tiến độ thu.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thẩm kế của các cấp, các ngành : Thanh tra Nhà nước, Tài chính, Thuế, Kho bạc, Cục đầu tư phát triển trong việc thực hiện dự toán thu chi ngân sách của các cấp, các ngành, các đơn vị trên địa bàn.

- Trong quá trình điều hành ngân sách việc tăng giảm thu, chi so với Nghị quyết HĐND phê chuẩn, UBND các cấp phải báo cáo HĐND cùng cấp vào kỳ họp gần nhất, các khoản chi phát sinh ngoài kế hoạch thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách các cấp được sử dụng kinh phí dự phòng của ngân sách cấp đó để chi, trường hợp nguồn kinh phí dự phòng không đáp ứng đủ thì phải chủ động sắp xếp lại nhiệm vụ chi đã giao (trừ trường hợp thiên tai, bão lũ lớn vượt quá khả năng cân đối của mỗi cấp ngân sách).

- Trong quá trình điều hành ngân sách, đối với những địa phương ngân sách gặp khó khăn, được vay ngân sách cấp trên để cân đối ngân sách nhưng phải thực hiện nghiêm chỉnh việc trả theo kế ước đã vay.

Trên đây là những nội dung quy định cơ chế quản lý thu chi ngân sách trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên từ năm 1999. Các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị có liên quan đến thu chi ngân sách có trách nhiệm tổ chức thực hiện. UBND tỉnh sẽ bổ sung, chỉnh lý cơ chế cho phù hợp với điều kiện thực tế khi có những vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện./.

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN



CHỦ TỊCH
MAI PHÚC TOÀN